

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Yên Khánh
Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2019.

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông An Văn Dương

2. Ông Lê Thanh Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐ- HPT ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu L, sinh năm 1988; có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/7/2019, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H sau khoảng 03 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 27/ 05/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, chị và anh H chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, anh chị bất đồng quan điểm trong công việc làm ăn nên vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau. Hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng anh H không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 05/2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở để vợ chồng có thời gian khắc phục mâu thuẫn. Đến tháng 01/ 2018 được gia đình động viên chị đã về chung sống với anh H nhưng đến tháng 02/2018 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên chị lại về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 07/2018 chị có đơn xin ly hôn anh H và được Tòa án hòa giải chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng thực tế chị và anh H vẫn bất đồng quan điểm nên không về chung sống với nhau được. Tháng 04/ 2019 anh H có xuống nhà bố mẹ chị đánh chị phải đi viện nên anh H đã bị Ủy ban nhân dân xã T xử phạt vi phạm hành chính. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không về đoàn tụ được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung (riêng): Chị và anh H có 1 con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 09/01/2015; anh H đang trực tiếp nuôi cháu A và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án chị và anh H đã thống nhất giao cháu A cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng đối với cháu A là 1.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh H nuôi dưỡng vì anh H có công việc, chỗ ở ổn định. Chị đề nghị thời gian chị cấp dưỡng đối với con chung tính từ tháng 11/ 2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị và anh H không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Về tài sản chung và công nợ chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh H quyền sử dụng 322 m² đất thuộc thửa số 337, tờ bản đồ số 1; địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là 1 nhà ống có diện tích 40 m² lợp tôn cùng khu công trình phụ có giá trị 100.000.000 đồng, có tổng giá trị là 1 60.480.000 đồng. Anh H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật. Chị không yêu cầu anh H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị.

Sau khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của chị thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không đề nghị Tòa án thu hồi nợ vay của anh chị. Do đó ngày 16/9/2019 chị có đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chị đã rút. Chị và anh H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ; anh chị không có tài

sản riêng và đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/8/ 2019, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn như trình bày của chị L là hoàn toàn đúng. Sau hai năm chung sống hạnh phúc thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh và chị L không hợp nhau trong cuộc sống. Anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn về làm ăn kinh tế và anh có nóng chửi bới chị L. Việc mâu thuẫn của anh chị hai gia đình có biết và hòa giải nhưng chị L tự ý bỏ đi. Đến năm 2018 chị L có đơn xin ly hôn anh và được Tòa án hòa giải chị L đã rút đơn về đoàn tụ nhưng sau đó chị L không về nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung (riêng): Anh nhất trí như ý kiến của chị L về việc anh đang trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 09/01/ 2015 và đảm bảo được quyền lợi của con. Anh cũng đề nghị Tòa án giao cháu A cho anh tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh và chị L không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh nhất trí với việc chị L rút yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Anh và chị L tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ; anh chị không có tài sản riêng và đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn nên không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không đến phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu L và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 09/01/2015 cho anh Nguyễn Văn H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Thu L có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 11/2019 đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị Thu L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thu L có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu L và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp. Sau 2 năm chung sống hạnh phúc thì chị L và anh H xảy ra va chạm, mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống và công việc làm ăn. Quá trình chung sống chị L và anh H nhiều lần xảy ra đánh cãi nhau, anh H đã 1 lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh chị L; anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay và đã được chính quyền hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị L xin ly hôn anh H nhưng anh H không nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn. Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung (riêng): Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh H đều đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 09/01/2015 cho anh H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng thì chị L và anh H thống nhất chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị L đề nghị thời gian chị cấp dưỡng đối với con chung tính từ tháng 11/2019 cho đến

khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo việc sinh hoạt, ổn định học tập và quyền lợi về mọi mặt cho cháu A cần giao cháu A cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con. Căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con khi ly hôn của nguyên đơn .

Chị L và anh H không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2019 chị L có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung là nhà, đất và khoản nợ vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có ý kiến không đề nghị Tòa án giải quyết thu hồi nợ vay tại Ngân hàng của anh H và chị L trong vụ án này (đơn đề nghị ngày 05/08/2019). Ngày 16/9/2019 chị L có đơn rút yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Sau đó chị L và anh H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ; anh chị không có tài sản riêng và đất nông nghiệp được chia cùng với gia đình trước khi kết hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu L và anh Nguyễn Văn H được ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu L và anh Nguyễn Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn H được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Thu L có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị Thu L có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí : Chị Phạm Thị Thu L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, được trừ đi 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0002079 ngày 17 tháng 07 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Chị Phạm Thị Thu L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Phương

